TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 39/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/10/2019
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà: Ông Hà Toàn Thắng.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Đức Hiển, ông Nguyễn Thanh Nghĩa.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liên.

- Đại diện VKSND huyệnVũ Thư: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Vũ Thư, xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 132/2019/HNGĐ-ST ngày 05 tháng 7 năm 2019, về tranh chấp hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2019 , giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L** , sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh H.

-Bị đơn: Anh **Trần Trung Hà**, sinh năm 1969 (vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã V, huyện V, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trình bày của nguyên đơn (chị Nguyễn Thị L) trong quá trình giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh H do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T ngày 22/02/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm và do anh H thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện đánh chị nhiều lần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân năm 2003 đến nay, chị đưa các con về mẹ đẻ ở thôn Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh H. Nay chị L xác định không còn tình cảm với anh H nên chị xin được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Hoàng Phi L1, sinh ngày 19/10/1998 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu giao nuôi con, và Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003 hiện đang ở với chị L, ly hôn chị L xin nuôi con Trần Trúc T và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung : Chị L khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Trần Trung H không đến Tòa án để trình bày, mặc dù anh đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Trần Kim C, sinh năm 1965, trú tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh T (là anh trai của anh H) đã trình bày như sau:

Hiện nay anh H đang đi làm ở tỉnh Q, thỉnh thoảng vẫn về nhà ở thôn N, xã V, huyện V, tỉnh T và vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình anh. Anh đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập, các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh H và đã thông báo cho anh H biết nội dung chị L có đơn xin ly hôn, nhưng do công việc bận mải nên anh H không đến Tòa án được, anh H trao đổi lại là nhất trí để chị L được ly hôn.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Trần Hoàng Phi L1, sinh ngày 19/10/1998 đã trên 18 tuổi, và Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003 hiện đang ở với chị L. Anh H trao đổi lại là nhất trí để chị L nuôi cả 02 con chung.

* Cháu Trần Trúc T trình bày như sau: Cháu là con của bố Trần Trung H và mẹ là Nguyễn Thị L, hiện nay cháu đang ở với mẹ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được ở với mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 8 năm 2019 UBND xã V, huyện V, tỉnh T đã cung cấp như sau:

Chị L kết hôn với anh H do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T ngày 22/02/1999. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên nhiều lần đánh chửi nhau. Năm 2003 chị L đưa 02 con bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện K, tỉnh H, và anh chị đã sống ly thân từ thời điểm đó đến nay.

Nay chị L có đơn xin ly hôn anh H, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết.

Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Trần Hoàng Phi L1, sinh ngày 19/10/1998 đã trên 18 tuổi, và Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003 hiện đang ở với chị L. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa án để trình bày.

Về nội dung đại diệnViện kiểm sát đề nghị hướng giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị L được ly hôn anh H. Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Trần Hoàng Phi L1, sinh ngày 19/10/1998 đã trên 18 tuổi, và Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003 hiện đang ở với chị L. Giao con chung Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị L có đơn xin ly hôn anh H cư trú tại thôn N, xã V, huyện V, tỉnh T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L kết hôn với anh H do hai người tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có đăng ký tại UBND xã V, huyện V, tỉnh T ngày 22/02/1999 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm và do anh H thường xuyên đi nhậu về kiếm chuyện đánh chị nhiều lần dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát. Vợ chồng đã sống ly thân năm 2003 đến nay, chị đưa các con về mẹ đẻ ở thôn T, xã T, huyện K, tỉnh H.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Vì vậy cần xử cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp quy định của luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy chị L và anh H có 02 con chung là Trần Hoàng Phi L1, sinh ngày 19/10/1998 đã trên 18 tuổi nên không phải giao nuôi con, và Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003 hiện đang ở với chị L, xét thấy chị L có công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện chăm sóc về mọi mặt cho con chung tốt hơn, cháu T có ý kiến trình bày xin được ở với chị L, mặt khác anh H đi làm xa nên không có điều kiện về thời gian để chăm sóc con chung. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung cần giao con chung cho chị Liên trực tiếp nuôi dưỡng Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết. Anh H chưa có ý kiến trình bày, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 235; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1/ Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Trần Trung H.

2/ Về con chung: Xử giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Trúc T, sinh ngày 20/12/2003, chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Không đặt ra việc giao nuôi con chung đối với con chung Trần Hoàng Phi L1, sinh ngày 19/10/1998 vì đã trên 18 tuổi.

Anh H có quyền thăm nom chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật. Chị L và anh H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3/ Về tài sản chung, và nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết. Anh H chưa có ý kiến trình bày, vì vậy không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đ- ơng sự có quyền yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4/ □n phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm (Chuyển số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0003458 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V thành án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Toàn Thắng

Nơi nhận:
- *VKSND huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THA huyện V;*
- *UBND xã V, huyện V;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*